

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2025

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 10/07/1987, Số Căn cước công dân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng, nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị G ủy quyền giao, nhận văn bản: Bà Vương Thị Lan A, sinh ngày 10/9/1992; Số Căn cước công dân: 030192006462; Địa chỉ: Thôn U, xã T, TP Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn L, sinh ngày 10/10/1987, Số Căn cước công dân: 030087015674; địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 30/01/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách không hợp nhau, kể cả khi cùng nhau ở Nhật Bản anh chị cũng không ở cùng, không sinh hoạt cùng. Sau đó tháng 4/2025, chị về nước và mẹ con chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã T, TP Hải Phòng sinh sống được 1 thời gian, chị nhận thấy cần phải làm kinh tế để cho con cái được tốt hơn, có điều kiện hơn nên khoảng cuối tháng 10/2025chị sẽ sang Nhật Bản làm ăn. Chị giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh L, đề nghị Toà án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/5/2024, hiện cháu đang ở cùng chị và ông bà ngoại là bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Bá C ở thôn M. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và đề nghị Toà án tạm giao cho bố mẹ chị nuôi dưỡng đến khi về nước. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp anh L về nước và có nguyện vọng trực tiếp nuôi con hoặc đón con đi cùng, chị nhất trí; Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết. Chị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Toà án. Đồng thời, chị cũng xin được vắng mặt toàn bộ phiên xét xử, phiên họp, phiên làm việc hoặc các buổi làm việc khác có tính chất tương đương.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Quá trình tìm hiểu, chung sống, kết hôn như chị G trình bày: Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng là do vào khoảng tháng 4/2025do mẹ anh trông con giúp anh chị làm cháu ngã dẫn đến việc vợ chồng cãi vã nhau, to tiếng sau đó chị G tự ý bỏ về nước và bế con về nhà ngoại sinh sống. Kể từ đó vợ chồng không liên lạc, không ở cùng nhau. Ngoài ra, anh biết anh sai là do anh không đưa tiền tiết kiệm, gia đình cho chị G hoặc không cho chị G biết nên có thể vì thế chị G xin ly hôn anh. Tháng 10/2025 chị G lại sang Nhật Bản. Nay chị G xin ly hôn quan điểm của anh không đồng ý ly hôn. Vì anh có thể sửa sai, anh vẫn rất thương vợ con và con riêng của vợ. Trường hợp chị G kiên quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung:Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/5/2024. Trước khi anh về nước con ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Tuy nhiên, ngày 13/12/2025 anh về nước và đã báo cho chị G, bố mẹ đẻ chị G để anh đón con về nuôi dưỡng và hiện tại anh đang nuôi cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn quan điểm của anh đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục nuôi con chung vì hiện tại chị G đang ở Nhật Bản không trực tiếp chăm sóc được cháu, bố mẹ đẻ chị G còn phải chăm 02 cháu nội (tức con của em trai chị G) và anh tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định mặc dù con còn nhỏ nhưng anh đảm bảo được việc nuôi con, hiện cháu đang khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ngoài ra, anh có sự giúp đỡ, hỗ trợ của mẹ đẻ anh, về chỗ ở thì nhà

cửa rộng rãi, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt.

Biên bản lấy lời khai người liên quan bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Bá C thể hiện: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị G và là bố mẹ vợ của anh L. Trước khi kết hôn, anh L và chị G có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2023. Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình nhà chồng ở thôn C. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên đánh nhau, cãi nhau. Trực tiếp ông bà chứng kiến vợ chồng cãi nhau tại nhà ông bà liên quan đến việc kinh tế gia đình. Anh L2 đi lao động ở Nhật Bản nhưng không gửi tiền về cho chị G nuôi con và hiện tại chỉ gọi điện hỏi thăm con chứ vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Gia đình ông bà không biết địa chỉ của anh L2 ở Nhật Bản thế nào nên không cung cấp cho Tòa án được. Nay chị L2 xin ly hôn, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vì vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn nhau trước khi anh L2 sang Nhật Bản lao động tiếp. Anh L2 đi từ năm 2019, năm 2023 về cưới vợ được 1 thời gian lại đi luôn. Về con chung: chị G, anh L2 có 01 con chung là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/5/2024. Khi ly hôn ông bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho mẹ là chị G nuôi con. Cuối tháng 10/2025, chị G lại tiếp tục xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Ông bà nhất trí nuôi dưỡng cháu L1 giúp chị G cho đến khi chị G về nước. Mẹ con chị G về nhà ông bà ở từ tháng 4/2025 đến nay. Ông bà không yêu cầu chị G, anh L2 cấp dưỡng vì chị G gửi tiền về cho ông bà nuôi con.

Lời khai bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh L2) thể hiện: Anh L2, chị G trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 30/01/2023. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà chủ yếu là do vợ chồng nóng giận và cãi vã nhau. Sau đó, vợ chồng ở Nhật Bản tuy nhiên được một thời gian vợ chồng không ở cùng nhau mỗi người một nơi, tháng 4/2025 chị G về nước. Chị G về nhà bà, sau đó 1 hôm sang nhà đẻ ở thôn M, xã T và không về nhà bà nữa. Chị G và con đang ở nhà ngoại, tháng 10/2025 chị G lại sang Nhật Bản làm. Nay chị G xin ly hôn, quan điểm của gia đình bà cho chị G, anh L2 tự quyết. Chị G xin ly hôn anh L2 biết tuy nhiên anh L2 lấp lửng nhưng chắc anh L2 không muốn ly hôn chị G. Còn chị G kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Gia đình hai bên cũng đã hoà giải, ngồi nói chuyện lại với nhau để 2 cháu hoà hợp, tuy nhiên được 1 thời gian lại mâu thuẫn, lại không hoà hợp. Chị G xác định không cứu vãn được hôn nhân, không còn tình cảm với anh L2 thì gia đình bà cũng chịu, không còn cách nào khác để can thiệp. Về con chung: Chị G, anh L2 có 01 con chung là Đặng Hải L1, sinh ngày 05/5/2024, hiện cháu đang ở cùng chị G và ông bà ngoại ở xã T. Khi chị G đi thì cháu ở cùng với ông bà ngoại. Nay ly hôn, quan điểm của tôi đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Tuy nhiên, bà ngoại nhiều cháu phải chăm nên bà mong muốn chị G để cháu cho bà nuôi dưỡng cho cháu đỡ khổ. Về tài sản: Theo bà được biết chị G, anh L2 không có

tài sản gì chung. Hiện anh Đặng Văn L, con trai tôi vẫn đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, anh L đã được tôi thông báo, chụp gửi các văn bản của Toà án cho. Anh L2 nói đã mua vé máy bay về Việt Nam chơi khoảng 1 tháng, tuy nhiên, lịch về cụ thể của anh L2 không nắm rõ. Nếu về kịp anh L2 nói sẽ tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia tố tụng tại phiên toà.

Lời khai của người đại diện theo ủy quyền thể hiện: Hiện chị G đã quay trở lại Nhật Bản làm việc, thông qua người đại diện theo ủy quyền chị G có quan điểm giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L2. Nay, anh L2 đã về nước chị nhất trí để anh G nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

*Biên bản xác minh trưởng thôn, UBND xã T thể hiện:*Chị Nguyễn Thị G và anh Đặng Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) năm 2023. Quá trình sinh sống tại địa phương không có vấn đề gì, chấp hành tốt các quy định tại địa phương. Tuy nhiên, giữa anh chị có mâu thuẫn nhau hay không địa phương không nắm được, chỉ biết hiện chị G đã đón con về ông bà ngoại ở thôn M sinh sống còn hiện anh L đang lao động ở nước ngoài nhưng địa chỉ cụ thể, làm công việc gì địa phương không nắm được. Chị G khi làm đơn ly hôn cũng không yêu cầu hoà giải cơ sở nên nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là gì địa phương không biết. Đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh L có quan điểm anh không muốn ly hôn vì thương chị G và con riêng của chị G và mong muốn con chung có đủ cả bố lẫn mẹ. Tuy nhiên, chị G kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Nếu Tòa án cho ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, anh về nước từ ngày 13/12/2025 và đã đón con về nuôi dưỡng, bố mẹ chị G và chị G nhất trí. Con ở với anh sức khỏe tốt. Anh tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G: Xử cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Đặng Văn L; Về con chung: Giao con chung

là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/05/2024 cho anh L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L tự nguyện không yêu cầu; Về án phí: Chị G phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị G khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đặng Văn L. Anh L2 hiện có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Thôn C, xã T, TP Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

Chị G và người đại diện theo ủy quyền đề nghị vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Đặng Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương nay là xã T, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/01/2023 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi đám cưới, anh chị chung sống cùng nhau tại xã T. Thời gian đầu, hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2023, cả hai anh chị cùng đi lao động tại Nhật Bản, khi lao động ở nước ngoài anh chị thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Đến tháng 4/2025, anh L và chị G sống ly thân với nhau, anh L vẫn làm việc ở Nhật Bản, chị G về Việt Nam sinh sống. Sau đó, chị G lại sang Nhật Bản còn anh L về nước ngày 13/12/2025. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được và hiện hai anh chị đã sống ly thân nên HĐXX xét thấy, căn cứ khoản 1 Điều 56 cần xử cho chị G được ly hôn anh L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị G và anh L có 01 con chung là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/5/2024. Khi chị G về nước chơi thì cháu ở với chị G và ông bà ngoại là ông Nguyễn Bá C và bà Đỗ Thị H. Trong đơn chị G đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng và tạm giao cho ông C, bà H nuôi dưỡng đến khi chị về nước. Tuy nhiên, nếu anh L về nước có nguyện vọng nuôi con hoặc đón con đi chị nhất trí để anh L nuôi dưỡng. Ngày 13/12/2025 anh L đã về nước và đã đón

cháu L1 về ở cùng anh, anh có nguyện vọng được nuôi cháu L1 và tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và chị G nhất trí để anh L trực tiếp nuôi dưỡng nếu anh L về nước nên để đảm bảo con cái có sự chăm sóc trực tiếp của bố mẹ cần giao cháu L1 cho anh G nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Hải L1, sinh ngày 05/05/2024 cho anh Đặng Văn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L tự nguyện không yêu cầu; Chị G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 0002907 ngày 02/10/2025 (do chị Vương Thị Lan A nộp thay), chị G đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Thái Tân, TP Hải Phòng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp